

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ÁNH DƯƠNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ÁNH DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ANH DUONG TRADING PRODUCTION ONE MEMBER COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301210692

**3. Ngày thành lập:** 23/05/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Mao Trung, Xã Phượng Mao, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0355480209

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                           | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                  | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                  | 4330     |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                  | 4610     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                          | 4653     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(Trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)                                                                                        | 4659     |
| 7.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ kinh doanh vàng miếng)                                                                                                              | 4662     |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                         | 4663     |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)                                                                     | 4669     |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>-Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh<br>(Điều 28 Luật Thương Mại năm 2005) | 8299     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4690        |
| 12. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2013        |
| 13. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2220        |
| 14. | Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2310        |
| 15. | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2391        |
| 16. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2410        |
| 17. | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất nhôm từ alumin;<br>- Sản xuất nhôm từ tinh chế điện phân chất thải nhôm và kim loại vụn;<br>- Sản xuất hợp kim nhôm;<br>- Sơ chế nhôm;<br>- Sản xuất dây của những kim loại trên bằng cách kéo;<br>- Sản xuất ôxit nhôm (Alumina);<br>- Sản xuất kim loại bọc nhôm;<br>- Sản xuất lá dẹt nhôm (thiếc) được làm từ lá nhôm (thiếc) là vật liệu chính;                         | 2420        |
| 18. | Đúc sắt, thép<br>( Trừ sản xuất vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2431        |
| 19. | Đúc kim loại màu<br>( Trừ sản xuất vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2432        |
| 20. | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất khung hoặc sườn kim loại cho xây dựng và các bộ phận của chúng (tháp, cột, cầu treo...);<br>- Sản xuất khung kim loại công nghiệp (khung cho là hơi, thiết bị nâng và cầm tay...);<br>- Sản xuất nhà đúc sẵn bằng kim loại như: Nhà di chuyển và các bộ phận tháo rời...<br>- Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung của chúng, cửa chớp, cổng;<br>- Vách ngăn phòng bằng kim loại. | 2511(Chính) |
| 21. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2512        |
| 22. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2591        |
| 23. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2592        |
| 24. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2593        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 25. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đầu<br>- Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đạc;<br>- Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt... | 2599 |
| 26. | Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu                                                                                                                                                                                                                   | 2812 |
| 27. | Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung                                                                                                                                                                                                                            | 2815 |
| 28. | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                                                                                                                                                                                        | 2816 |
| 29. | Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén                                                                                                                                                                                                            | 2818 |
| 30. | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                                           | 2821 |
| 31. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                                                                                                                                                                    | 2822 |
| 32. | Sản xuất máy chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng                                                                                                                                                                               | 2829 |
| 33. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                          | 3320 |
| 34. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                                                                                                 | 3830 |
| 35. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                            | 4321 |
| 36. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                             | 4752 |
| 37. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh ( Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem, và tiền kim khí)                                                                                                                                               | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: QUÀNG THỊ CHINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 10/08/1991

Dân tộc: Thái

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040436108

Ngày cấp: 08/12/2011

Nơi cấp: Công an Tỉnh Điện Biên

Địa chỉ thường trú: *Bản Pha Đin, Xã Thanh Chăn, Huyện Điện Biên, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Bản Pha Đin, Xã Thanh Chăn, Huyện Điện Biên, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh